

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2022/DS-ST

Ngày: 06 - 9 - 2022

V/v “T/c hợp đồng góp hụi”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thật

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn Lý
2. Ông Huỳnh Anh Huy

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2022/TLST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2022 về việc “tranh chấp hợp đồng góp hụi”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông **Võ Quang T2**, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số 18 đường Phan Đình Phùng, Phường 2, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Thanh C**, sinh năm 1974; Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Thạnh Hóa, huyện T, tỉnh Long An.

**2. Bị đơn:** Ông **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp Ông Quới, xã Thạnh Phú, huyện T, tỉnh Long An.

*Bà C và ông T1 vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Võ Quang T2:* Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Võ Quang T2 do bà Nguyễn Thanh C đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào năm 2021, ông T2 có tham gia 01 dây hụi do ông Nguyễn Văn T1 làm chủ thảo hụi. Cụ thể: Hụi khai ngày 01/3/2021, một tháng khai một lần, dây hụi gồm 16 phần, hụi 5.000.000 đồng, ông T2 tham gia hai phần. Ông T2 đã đóng hụi được 05 kỳ (từ ngày 01/3/2021 đến ngày 01/7/2021) với tổng số tiền 38.600.000 đồng, cụ thể: Kỳ 1, đóng số tiền 4.100.000 đồng/phần; kỳ 2, đóng số tiền 3.800.000 đồng/phần; kỳ 3, đóng số tiền 3.800.000 đồng/phần; kỳ 4, đóng số tiền 3.800.000 đồng/phần; kỳ 5, đóng số tiền 3.800.000 đồng/phần. Dây hụi chưa mãn nhưng không còn hoạt động do ông T1 đã tuyên bố bẻ hụi.

*Đề nghị của bị đơn – ông Nguyễn Văn T1:* Ông T1 đã được Tòa án huyện T triệu tập hợp lệ đúng quy định của pháp luật nhưng ông T1 vắng mặt không có lý do và không có ý kiến hay văn bản đề nghị đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án nhân dân huyện T tiến hành các thủ tục tố tụng để đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

*Ý kiến của người làm chứng:* Những người tham gia dây hụi khai ngày 01/3/2021 gồm ông Lê Hoàng K, bà Nguyễn Thị Minh Ph, bà Nguyễn Thanh C xác định dây hụi khai ngày 01/3/2021 gồm 16 phần, một tháng khai một lần, hụi 5.000.000 đồng, dây hụi này có ông T2 tham gia hai phần. Sau khi đóng được 05 kỳ thì ông T1 tuyên bố bẻ hụi, ông T2 đóng được 05 kỳ với tổng số tiền là 38.600.000 đồng/2 phần.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn và lời khai của người làm chứng thì giữa nguyên đơn và bị đơn có mối quan hệ hợp đồng góp hụi, theo đó bị đơn là chủ thảo hụi, nguyên đơn là thành viên. Do dây hụi bị bẻ nhưng bị đơn chưa hoàn trả tiền cho nguyên đơn số tiền đã đóng hai phần hụi là 38.600.000 đồng nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật là “hợp đồng góp hội” được quy định tại Bộ luật dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt bà C và ông T1: Bà C là người đại diện theo ủy quyền của ông T2 và ông T1 có đơn đề nghị được giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà C và ông T1.

[3] Về nội dung vụ án: Ông Võ Quang T2 khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T1 trả số tiền nợ hội là 38.600.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định ông T2 tham gia dây hội do ông T1 làm chủ hội, hội khai ngày 01/3/2021, mỗi tháng khai một lần, gồm 16 phần, hội 5.000.000 đồng, ông T2 tham gia hai phần. Ông T2 đã đóng hội được 05 kỳ (từ ngày 01/3/2021 đến ngày 01/7/2021), cụ thể: Kỳ 1, đóng số tiền 4.100.000 đồng/phần; kỳ 2, đóng số tiền 3.800.000 đồng/phần; kỳ 3, đóng số tiền 3.800.000 đồng/phần; kỳ 4, đóng số tiền 3.800.000 đồng/phần; kỳ 5, đóng số tiền 3.800.000 đồng/phần. Tổng số tiền ông T2 đã đóng là 19.300.000 đồng/phần. Ông K, bà Ph, bà C là thành viên tham gia dây hội nêu trên xác nhận ông T2 có tham gia dây hội cùng với các thành viên hội là ông K, bà C, bà Ph và dây hội này đã bể, số tiền mà các hội viên đã đóng là 05 kỳ với tổng số tiền là 19.300.000 đồng/phần. Tại biên bản lấy lời khai của Tòa án, ông T1 cũng thừa nhận dây hội khai ngày 01/3/2021 có thành viên là ông K, bà Ph, bà C tham gia đã bể, số tiền mà hội viên đã đóng là 19.300.000đồng/phần. Xét thấy, ông T2 tham gia hai phần nên số tiền ông T2 đã đóng hội là 38.600.000 đồng. Ông T1 không có ý kiến hay văn bản nào phản đối yêu cầu của ông T2 nên căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì yêu cầu khởi kiện của ông T2 có cơ sở chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Toà án cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Quang T2 đối với ông Nguyễn Văn T1. Buộc ông Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ trả cho ông Võ Quang T2 số tiền nợ hội 38.600.000 đồng.

[4] Về tiền lãi: Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định không yêu cầu tính lãi. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của các đương sự nên được chấp nhận, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về thời gian trả và cách thức trả: Vấn đề này thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan Thi hành án dân sự khi bản án có hiệu lực pháp luật nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6] Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[7] Về án phí: Ông T2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn T1 phải chịu số tiền 1.930.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 26, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 471, 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Quang T2 đối với ông Nguyễn Văn T1.

Buộc ông Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ trả cho ông Võ Quang T2 số tiền nợ hui 38.600.000 đồng (ba mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn T1 phải chịu số tiền 1.930.000 đồng (một triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước.

Ông Võ Quang T2 không phải chịu án phí, hoàn trả cho ông T2 số tiền 965.000 đồng (Chín trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà ông T2

đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010972 ngày 16 tháng 5 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

4. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- CC THADS huyện T;
- Lưu hồ sơ; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thật**